

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 24/5/2023
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Na
2. Bà Lê Thị Hoàng Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST -HN ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa:

** Nguyên đơn:*

Chị Trần Thị P, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 366, ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

** Bị đơn:*

Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 366, ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc T chung sống với nhau năm 1991, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 07/9/1997. Cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do anh T không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử vắng mặt chị P, anh T là phù hợp với Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Phạm Ngọc T chung sống với nhau năm 1991, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị P do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh T đã sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa chị P và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 07/9/1997. Con chung đã trưởng thành nên không xét đến.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị P khai không có nên không xét đến.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị P đối với anh Phạm Ngọc T.

Chị Trần Thị P được ly hôn anh Phạm Ngọc T. Quan hệ hôn nhân của chị P, anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 07/9/1997. Con chung đã trưởng thành nên không xét đến.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P khai không có, nên không xét đến.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010835 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị P đã nộp đủ án phí.

Chị P, anh T vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA huyện Châu Thành;
- UBND xã P
(Số 182/1996/ĐKKH)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu